

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 7 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thu B, sinh năm 1981 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Công D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Lê Thu B trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Lê Thu B và anh Lê Công D tổ chức đám cưới vào ngày 20/4/2006, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống riêng bên gia đình chị Thu B tại ấp ĐTA, xã TD, huyện ĐD. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm, gia đình đã hòa giải nhưng không đoàn tụ được. Anh chị đã ly thân vào tháng 02/2018 cho đến nay. Nay chị Lê Thu B yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 19/3/2007. Hiện nay đang do chị Thu B nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Thu B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Công D trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Thu B trình bày về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân là đúng. Nay anh D đồng ý ly hôn với chị Thu B.

- Về con chung: Anh D xác định lời trình bày của chị Thu B về con chung là đúng. Sau khi ly hôn, con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay do điều kiện công việc nên anh D xin từ chối tham gia xét xử vụ án, đồng ý đề Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Công D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Công D.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thu B và anh Lê Công D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị Thu B có yêu cầu ly hôn được anh D đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng...*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị Thu B và anh D không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có một người con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 19/3/2007 đang do chị Thu B nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Thu B yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy tại “*Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung*” ngày 06/7/2018 tại Tòa án cháu Anh T có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Lê Thu B là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thu B giao cháu Anh T cho chị Thu B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị Thu B và anh D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị Thu B và anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Thu B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lê Thu B và anh Lê Công D là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Anh T (nữ), sinh ngày 19/3/2007 cho chị Lê Thu B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Lê Công D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thu B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 03 tháng 5 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009860 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung